

# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN HAPACO**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014  
(đã được soát xét)

**NỘI DUNG**

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 – 03
Báo cáo kết quả công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất	04
Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét	05 – 46
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	05 – 08
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	09
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	10 – 11
Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất	12 – 46

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hapaco (sau đây gọi tắt là “Tập đoàn HAPACO”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn HAPACO cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

### TẬP ĐOÀN HAPACO

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được đổi tên từ Công ty Cổ phần HAPACO theo Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 11 ngày 21/11/2009. Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần HAPACO theo Quyết định số 1912 QĐ/UB ngày 28/10/1999 do UBND thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Tập đoàn HAPACO tại: Tầng 5 + 6 Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch	
Ông Vũ Xuân Thủy	Phó Chủ tịch	
Ông Vũ Xuân Thịnh	Ủy viên	
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Ủy viên	
Ông Vũ Xuân Cường	Ủy viên	
Ông Bùi Đức Thống	Ủy viên	(Miễn nhiệm ngày 05/04/2014)
Ông Nguyễn Văn Hương	Ủy viên	(Bổ nhiệm ngày 05/04/2014)
Ông Nguyễn Đức Hậu	Ủy viên	

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tập đoàn HAPACO trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Vũ Xuân Cường	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Xuân Thịnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Ba	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Đức Hậu	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Nguyễn Thanh Toàn	Trưởng Ban	
Bà Trần Tiểu Phụng	Thành viên	
Bà Trần Thị Hằng	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 05/04/2014)
Bà Cao Thị Thúy Lan	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 05/04/2014)

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính hợp nhất cho Tập đoàn HAPACO.



## **CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn HAPACO trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc và Ban Quản trị Tập đoàn HAPACO xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn HAPACO sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn HAPACO, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tập đoàn HAPACO và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn HAPACO tại thời điểm ngày 30/06/2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

### **Cam kết khác**

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Tập đoàn HAPACO không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

### **Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày

30/06/2014.

Thay mặt Hội đồng Quản trị



**TS. Vũ Dương Hiền**

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

Hải Phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2014

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

**Vũ Xuân Cường**

Tổng Giám đốc

11  
12  
13  
14  
15  
16  
17  
18  
19  
20  
21  
22  
23  
24  
25  
26  
27  
28  
29  
30  
31  
32  
33  
34  
35  
36  
37  
38  
39  
40  
41  
42  
43  
44  
45  
46  
47  
48  
49  
50  
51  
52  
53  
54  
55  
56  
57  
58  
59  
60  
61  
62  
63  
64  
65  
66  
67  
68  
69  
70  
71  
72  
73  
74  
75  
76  
77  
78  
79  
80  
81  
82  
83  
84  
85  
86  
87  
88  
89  
90  
91  
92  
93  
94  
95  
96  
97  
98  
99  
100



Số: 1376 /2014/BC.KTTC-AASC.KT5

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO tại ngày 30/06/2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tập đoàn HAPACO và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; Công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



**Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC**

**Nguyễn Quốc Dũng**

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0285-2013-002-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 08 năm 2014



**Hoàng Thúy Nga**

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số: 0762-2013-002-1



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
100	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>727.787.828.605</b>	<b>694.445.219.398</b>
110	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>3</b>	<b>13.516.568.939</b>	<b>57.877.858.333</b>
111	1. Tiền		13.516.568.939	57.877.858.333
120	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>4</b>	<b>323.333.801.300</b>	<b>326.432.365.400</b>
121	1. Đầu tư ngắn hạn		323.418.584.924	326.518.584.924
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(84.783.624)	(86.219.524)
130	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>256.436.697.630</b>	<b>196.735.977.727</b>
131	1. Phải thu khách hàng		44.396.555.552	44.761.568.804
132	2. Trả trước cho người bán		17.973.381.855	14.931.761.872
135	3. Các khoản phải thu khác	<b>5</b>	199.536.649.066	142.395.568.949
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(5.469.888.843)	(5.352.921.898)
140	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>120.355.325.824</b>	<b>101.509.542.252</b>
141	1. Hàng tồn kho		120.581.318.065	101.696.834.493
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(225.992.241)	(187.292.241)
150	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>14.145.434.912</b>	<b>11.889.475.686</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	<b>7</b>	3.263.146.573	783.269.539
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		7.254.971.445	6.397.600.144
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		44.449.262	27.271.123
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	<b>8</b>	3.582.867.632	4.681.334.880

1.1  
HẠN  
TOÀN  
C  
1.1

1.1  
X  
X  
A  
L  
1.1

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014  
(tiếp theo)

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
200	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>597.692.887.035</b>	<b>522.335.452.933</b>
220	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>451.150.430.945</b>	<b>385.013.446.001</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	9	110.909.535.697	119.480.651.341
222	- Nguyên giá		241.525.376.861	241.066.086.579
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(130.615.841.164)	(121.585.435.238)
224	2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	3.592.388.936	3.809.269.880
225	- Nguyên giá		4.337.618.912	4.337.618.912
226	- Giá trị hao mòn lũy kế		(745.229.976)	(528.349.032)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	4.618.961.693	4.796.614.067
228	- Nguyên giá		7.106.094.928	7.106.094.928
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(2.487.133.235)	(2.309.480.861)
230	4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	332.029.544.619	256.926.910.713
250	<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	13	<b>140.982.866.123</b>	<b>130.786.573.441</b>
252	1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		75.976.000.000	75.976.000.000
258	2. Đầu tư dài hạn khác		76.671.251.523	66.797.251.523
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(11.664.385.400)	(11.986.678.082)
260	<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>1.488.166.767</b>	<b>1.546.963.571</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	984.371.917	1.096.388.721
268	2. Tài sản dài hạn khác		503.794.850	450.574.850
269	<b>IV. Lợi thế thương mại</b>	15	<b>4.071.423.200</b>	<b>4.988.469.920</b>
270	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>1.325.480.715.640</b>	<b>1.216.780.672.331</b>

K. H. H. H. H. H.

15  
01  
P  
A  
17/11

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2014	01/01/2014
			VND	VND
<b>300</b>	<b>A . NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>778.129.113.469</b>	<b>655.527.084.352</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>644.926.156.994</b>	<b>560.115.283.774</b>
311	1. Vay và nợ ngắn hạn	16	474.175.322.222	452.390.950.422
312	2. Phải trả người bán		55.383.572.493	50.610.103.854
313	3. Người mua trả tiền trước		11.567.067.312	2.797.175.259
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	6.520.838.519	7.717.574.133
315	5. Phải trả người lao động		4.928.688.084	5.633.680.110
316	6. Chi phí phải trả	18	9.714.336.088	6.504.648.584
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	19	82.377.622.632	34.202.441.768
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		258.709.644	258.709.644
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>133.202.956.475</b>	<b>95.411.800.578</b>
333	1. Phải trả dài hạn khác		213.900.000	179.900.000
334	2. Vay và nợ dài hạn	20	132.989.056.475	95.231.900.578
<b>400</b>	<b>B . VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>542.784.084.147</b>	<b>556.937.459.960</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>21</b>	<b>542.784.084.147</b>	<b>556.937.459.960</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		322.601.220.000	322.601.220.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		126.351.824.219	126.351.824.219
414	3. Cổ phiếu quỹ		(4.662.935.543)	(4.662.935.543)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		60.153.508.593	60.153.508.593
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		6.616.551.635	6.616.551.635
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		31.723.915.243	45.877.291.056
<b>439</b>	<b>C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>33</b>	<b>4.567.518.024</b>	<b>4.316.128.019</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>1.325.480.715.640</b>	<b>1.216.780.672.331</b>




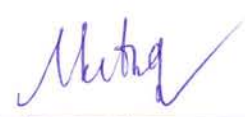
## CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT


Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Chỉ tiêu	30/06/2014	01/01/2014
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	15.012,73	351.858,01



  
Vũ Xuân Cường  
Tổng Giám đốc  
Hải Phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2014

  
Trần Thị Hằng  
Kế toán trưởng

  
Khoa Thị Thanh Huyền  
Người lập biểu



19  
21  
24  
27  
30  
31



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
			VND	VND
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>				
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		3.443.882.053	23.052.832.335
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		6.325.207.293	(11.369.577.819)
02	Khấu hao tài sản cố định		9.955.671.490	9.598.263.825
03	Các khoản dự phòng		(168.061.637)	678.396.850
04	Lãi lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện		3.210.539.924	641.669.223
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(14.374.457.681)	(25.944.882.054)
06	Chi phí lãi vay		7.701.515.197	3.656.974.337
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		9.769.089.346	11.683.254.516
09	(Tăng)/giảm các khoản phải thu		(51.684.276.182)	(36.775.520.539)
10	(Tăng)/giảm hàng tồn kho		(18.884.483.572)	(21.803.955.172)
11	(Tăng)/giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)		44.086.144.555	11.901.056.276
12	(Tăng)/giảm chi phí trả trước		(2.367.860.230)	(562.867.963)
13	Tiền lãi vay đã trả		(4.109.468.578)	(3.512.637.756)
14	Thuế TNDN đã nộp		(1.828.387.217)	(3.784.765.180)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		9.942.478.312	1.546.322.623
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(7.358.598.668)	(1.206.217.851)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(22.435.362.234)</b>	<b>(42.515.331.046)</b>
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>				
21	1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(74.382.351.877)	(32.819.457.625)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ, tài sản dài hạn khác		-	87.254.732
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(17.200.000.000)	(34.700.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		10.426.000.000	8.901.540.517
26	5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	37.180.000.000
27	6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		3.393.516.963	463.889.648
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>(77.762.834.914)</b>	<b>(20.886.772.728)</b>
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>				
33	1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		198.371.508.454	151.567.146.290
34	2. Tiền chi trả nợ gốc vay		(141.967.106.780)	(68.289.921.132)
35	3. Tiền chi trả nợ thuế tài chính		(570.420.000)	(452.223.000)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>55.833.981.674</b>	<b>82.825.002.158</b>

105.  
GTY  
TIEM HI  
TIEM  
AS  
TIEM



## BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(44.364.215.474)	19.422.898.384
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		57.877.858.333	22.446.721.008
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		2.926.080	(49.891.622)
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>13.516.568.939</u>	<u>41.819.727.770</u>



Vũ Xuân Cường  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2014

Trần Thị Hằng  
Kế toán trưởng

Khoa Thị Thanh Huyền  
Người lập biểu



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

### 1. THÔNG TIN CHUNG

#### Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được đổi tên từ Công ty Cổ phần HAPACO theo Giấy đăng ký kinh doanh lần thứ 11 ngày 21/11/2009. Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước theo hình thức chuyển nhượng toàn bộ giá trị thuộc phần vốn Nhà nước hiện có tại Công ty Giấy Hải Phòng và số cổ phần Nhà nước hiện có của Công ty Giấy Hải Phòng trong Công ty Cổ phần Hải Âu cho Công ty Cổ phần HAPACO theo Quyết định số 1912 QĐ/UB ngày 28/10/1999 do UBND thành phố Hải Phòng cấp.

Trụ sở chính của Tập đoàn HAPACO được đặt tại: Tầng 5 + 6 Khánh Hội, Quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

Vốn điều lệ theo Giấy đăng ký kinh doanh của Tập đoàn HAPACO là: 500.002.510.000 đồng (tương đương 50.000.251 cổ phiếu). Vốn đầu tư của chủ sở hữu thực góp tại thời điểm 30/06/2014 là 322.601.220.000 đồng (tương đương 32.260.122 cổ phần). Mệnh giá một cổ phần là: 10.000 đồng/cổ phần.

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 30/06/2014 bao gồm:

Tên đơn vị	Tỷ lệ	Địa chỉ
- Công ty TNHH HAPACO Hải Âu <sup>(1)</sup>	100%	Số 441A - Tôn Đức Thắng - Hải Phòng
- Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn <sup>(2)</sup>	100%	Số 826 Điện Biên - Minh Tân - Yên Bái
- Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc <sup>(3)</sup>	100%	Xã Vạn Mai - Mai Châu - Hòa Bình
- Công ty Cổ phần Hải Hà <sup>(4)</sup>	61,54%	Vĩnh Tuy - Bắc Quang - Hà Giang
- Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P <sup>(5)</sup>	100%	Xã Đại Bản - An Dương - Hải Phòng
- Công ty TNHH HAPACO Phương Đông <sup>(6)</sup>	100%	Số 9 đường Cầu Bính - Hải Phòng
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Hải Phòng <sup>(7)</sup>	99,84%	Số 135 Điện Biên Phủ - Hải Phòng
- Công ty TNHH Hapaco Việt Hưng <sup>(8)</sup>	100%	Thôn Nước Mát – Âu Lâu - Yên Bái

Các công ty không được hợp nhất trên Báo cáo tài chính: Xem chi tiết tại Thuyết minh số 2.3.

Tại thời điểm 30/06/2014 Công ty có Công ty liên kết sau:

Tên đơn vị	Tỷ lệ	Địa chỉ
- Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng <sup>(9)</sup>	30%	Tòa nhà Khánh Hội, lô 2/3C Lê Hồng Phong, phường Đông Khê, quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Công ty liên kết không được kế toán theo phương pháp Vốn chủ sở hữu trên BCTC hợp nhất này, nguyên nhân xem tại thuyết minh số 2.4.

Khái quát chung về các Công ty con của Tập đoàn HAPACO:

- (1) Công ty TNHH HAPACO Hải Âu được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0200462650 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 07 tháng 05 năm 2002, thay đổi lần thứ 5 ngày 22/03/2014, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Sản



xuất bột giấy, giấy và bìa; Sản xuất bao bì bằng gỗ; In ấn (bao gồm in giấy vàng mã xuất khẩu); Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình dân dụng, công trình công nghiệp; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách bằng đường thủy nội địa; Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị y tế.

Vốn điều lệ của Công ty là 100.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2014 là 26.169.600.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số 441A Tôn Đức Thắng, Xã An Đồng, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

- (2) Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn được chuyển đổi từ Công ty Cổ phần HAPACO Yên Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200189376 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 11/06/2001, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 28/06/2012, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa (Chi tiết: Sản xuất giấy và bột giấy xuất khẩu); Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Vận tải hành khách đường bộ khác; Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Giáo dục mầm non; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; In ấn (Chi tiết: In giấy vàng mã xuất khẩu); Chế biến gỗ và sản xuất hàng tiêu dùng, hàng xuất khẩu; Sản xuất đũa tre, đũa gỗ xuất khẩu; Sản xuất giấy và bột giấy xuất khẩu; Kinh doanh dịch vụ nhà hàng, du lịch; Kinh doanh xuất nhập khẩu thiết bị, vật tư, hàng hóa; Kinh doanh dịch vụ vận tải hành khách và hàng hóa; Tư vấn tài chính kế toán, môi giới, nhận lệnh và kinh doanh chứng khoán; Kinh doanh bất động sản; Khai thác, chế biến khoáng sản; Mua bán, bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan khác.

Vốn điều lệ của Công ty là 11.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2014 là 11.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Số nhà 826, đường Điện Biên, phường Minh Tân, thành phố Yên Bái, tỉnh Yên Bái.

- (3) Công ty Cổ phần HAPACO Đông Bắc hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2503000270 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hòa Bình cấp ngày 03/07/2008, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Trồng rừng và chăm sóc rừng (rừng lấy gỗ, tre nứa); Khai thác quặng sắt; Khai thác quặng kim loại quý hiếm; Khai thác cát, đá, sỏi, đất sét; Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai; Sản xuất sợi, vải dệt thoi và hoàn thiện sản phẩm dệt; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất các sản phẩm từ lâm sản (trừ gỗ), cói và vật liệu tết bện; Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; In ấn (giấy vàng mã xuất khẩu); Xây dựng nhà các loại; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Đại lý du lịch; Điều hành tour du lịch.

Vốn điều lệ của Công ty là 45.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2014 là 7.238.119.565 đồng.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Km18, Quốc lộ 15A, Xã Vạn Mai, Huyện Mai Châu, Tỉnh Hòa Bình.

- (4) Công ty Cổ phần Hải Hà hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1003000021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hà Giang cấp ngày 18/10/2005, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Thu mua nguyên liệu: Tre, vầu, nứa, gỗ, song mây; Sản xuất chế biến bột giấy, giấy, đồ gỗ, hàng mỹ nghệ tiêu thụ trong nước và xuất

TRÀ  
HÀ

QT



khẩu (Doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh các ngành nghề trên khi đã đủ các điều kiện theo quy định các pháp luật hiện hành).

Vốn điều lệ của Công ty là 20.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty được hai cổ đông góp vốn tại thời điểm 30/06/2014 là 13.000.000.000 đồng; Trong đó, Tập đoàn HAPACO góp 8.000.000.000 đồng tương đương 61% vốn điều lệ của Công ty. Công ty chưa thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty Cổ phần sang Công ty Trách nhiệm hữu hạn theo Luật doanh nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Cụm Công nghiệp Nam Quang, Xã Vĩnh Tuy, Huyện Bắc Quang, Tỉnh Hà Giang.

- (5) Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 19/06/2008, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; In ấn: in giấy vàng mã; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Vốn điều lệ của Công ty là 127.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của chủ sở hữu của Công ty chỉ có một cổ đông duy nhất là Tập đoàn HAPACO góp vốn tại thời điểm 30/06/2014 là 155.630.855.217 đồng. Công ty chưa thực hiện chuyển đổi mô hình hoạt động từ Công ty Cổ phần sang Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên theo Luật Doanh nghiệp.

Trụ sở chính của Công ty tại: Km 17 Quốc lộ 5, Thôn Tiên Nông, Xã Đại Bản, Huyện An Dương, Thành phố Hải Phòng.

- (6) Công ty TNHH HAPACO Phương Đông hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng số 0200822092 ngày 18/01/2010 với các ngành nghề kinh doanh sau đây: Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; Sản xuất các loại bao bì bằng gỗ; In ấn: in giấy vàng mã xuất khẩu; Xây dựng các công trình dân dụng; Phá dỡ; Chuẩn bị mặt bằng; Lắp đặt hệ thống điện; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước; Lắp đặt hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí; Hoàn thiện công trình xây dựng; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hành khách đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa bằng phương tiện cơ giới.

Vốn điều lệ của Công ty là 30.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2014 là 10.984.455.931 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Số 9 đường Cầu Bính, Phường Sở Dầu, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

Theo Quyết định số 134/QĐ-HAP ngày 15/10/2011 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn Hapaco về việc điều chuyển vốn, tài sản và các nghĩa vụ giữa các đơn vị thành viên của Tập đoàn HAPACO, Công ty TNHH HAPACO Phương Đông thực hiện bàn giao toàn bộ vốn, giá trị còn lại của tài sản và công nợ tại thời điểm 31/10/2011 cho Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu quản lý và khai thác. Công ty TNHH HAPACO Phương Đông đã ngừng hoạt động từ ngày 31/10/2011 nhưng chưa hoàn thành các thủ tục sáp nhập vào Công ty Cổ phần HAPACO Hải Âu theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

- (7) Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Hải Phòng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203000008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 12 tháng 04 năm 2000, thay đổi lần thứ 3 ngày 07 tháng 08 năm 2008, với các ngành nghề kinh doanh là: Dịch vụ ăn uống, nhà nghỉ, Karaoke; Kinh doanh thực phẩm công nghệ, hàng tiêu dùng, nguyên nhiên vật liệu, vật tư thiết bị và sản phẩm hàng hóa khác; Đại lý mua bán tiêu thụ hàng hóa; Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa; Lữ hành nội địa.

01  
CỎ  
H NH  
G K  
A A  
KIẾ

ĐK  
CỎ



Vốn điều lệ của Công ty là 12.132.000.000 đồng. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2014 là 6.132.000.000 đồng.

Trụ sở chính Công ty tại: Số 135 Điện Biên Phủ, Phường Minh Khai, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng.

- (8) Công ty Cổ phần HAPACO Việt Hưng hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 5200729753 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Yên Bái cấp ngày 30/10/2012, với các ngành nghề kinh doanh là: Trồng rừng và chăm sóc rừng; Khai thác gỗ; Khai thác lâm sản khác trừ gỗ; Cưa, xẻ, bào gỗ và bào quân gỗ; Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác; Sản xuất đồ gỗ xây dựng; Sản xuất bao bì bằng gỗ; Sản xuất phẩm khác từ gỗ, sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện; Sản xuất bột giấy, giấy và bìa; In ấn Sản xuất giấy vàng mã xuất khẩu; Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng khác; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; Bán buôn hóa chất khác (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp).

Vốn điều lệ của Công ty là 10.000.000.000 đồng. Vốn đầu tư của Chủ sở hữu tại thời điểm 30/06/2014 là 7.086.500.000 đồng.

Trụ sở chính Công ty tại: Thôn Nước Mát, Xã Âu Lâu - Thành phố Yên Bái.

#### **Khái quát chung về Công ty liên kết của Tập đoàn HAPACO**

- (9) Công ty Cổ phần khu công nghiệp Hải Phòng hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203004017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp ngày 05/03/2008, cấp lại lần thứ nhất ngày 18/11/2008, với các ngành nghề kinh doanh như sau: Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét; Sản xuất điện cho khu công nghiệp; Truyền tải và phân phối điện cho khu công nghiệp; Khai thác, xử lý và cung cấp nước cho khu công nghiệp; Thoát nước và xử lý nước thải cho khu công nghiệp; Xử lý và tiêu hủy rác thải khu công nghiệp; Xây dựng nhà các loại; Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng; Xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, hạ tầng đô thị; Xây dựng hệ thống giao thông nội bộ khu công nghiệp; Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm liên quan; Bán buôn sắt, thép; Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; Bán buôn gạch, ngói, đá, cát, sỏi; Bán buôn hóa chất thông thường; Bán buôn vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương; Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Kho bãi và lưu giữ hàng hóa; Dịch vụ đại lý tàu biển; Khách sạn; Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống; Đại lý du lịch; Điều hành tua du lịch; Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch; Môi giới xúc tiến đầu tư; Hoạt động quản lý khu công nghiệp; Dạy nghề; Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; Kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp; Bán ô tô và xe có động cơ khác; Vận tải hành khách bằng taxi; Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; Vận tải hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định và theo hợp đồng.

Vốn điều lệ của Công ty là 500.000.000.000 đồng.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tòa nhà Khánh Hội, lô 2/3C Lê Hồng Phong, Phường Đông Khê, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.

Vốn thực góp của Tập đoàn HAPACO tại Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng tại thời điểm 30/06/2014 là 75.976.000.000 đồng; Tương đương 7.597.600 cổ phần, chiếm 15,2% Vốn điều lệ của Công ty. Tuy nhiên, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết theo cam kết góp vốn của Tập đoàn HAPACO vào Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng là 30%.

#### **Ngành nghề kinh doanh**

Theo Giấy đăng ký kinh doanh số 055591 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 17/06/1999, cấp lại lần 11 ngày 21/11/2009, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn HAPACO là:

- Sản xuất bột giấy và giấy các loại, sản phẩm chế biến từ lâm nông sản để xuất khẩu;
- Sản xuất, kinh doanh xăng dầu và các sản phẩm chung cất từ dầu mỏ;

110  
GT  
EM HƯ  
EM T  
SC  
1-TP

KP  
C  
I  
H  
/21



- Sản xuất và kinh doanh hàng dệt may xuất khẩu;
- Kinh doanh vận tải hành khách thủy, bộ;
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng văn phòng và chung cư cho thuê;
- Đầu tư tài chính và mua bán chứng khoán;
- Kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà hàng, du lịch sinh thái;
- Đào tạo nguồn nhân lực;
- Kinh doanh các sản phẩm và thiết bị máy móc, vật tư, nguyên liệu, hóa chất thông thường;
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét;
- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;
- In ấn: In giấy vàng mã xuất nhập khẩu;
- Hoạt động của các bệnh viện.

#### **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính:**

- Theo Hợp đồng mua cổ phần và hợp tác đầu tư ngày 19/12/2013 và Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng ngày 16/04/2014 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO và Các Công ty bao gồm: Công ty Rent-A-Port N.V, Công ty InfraAsia Investment Limited (Hong Kong) và Công ty IPEM Vietnam Limited, Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp là 7.597.600 cổ phần tại Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng với số tiền là 5.025.922,99 USD theo tỷ giá Ngân hàng Vietcombank công bố tại ngày thanh toán. Tại thời điểm 30/06/2014, Tập đoàn HAPACO đã nhận được 9.500.000.000 đồng ứng trước cho hợp đồng chuyển nhượng vốn nêu trên. Để đảm bảo tính thận trọng, Tập đoàn HAPACO chưa ghi nhận hoạt động chuyển nhượng vốn góp này vào kết quả kinh doanh của kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 cho tới khi nhận được toàn bộ giá trị chuyển nhượng theo hợp đồng nêu trên và hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng;
- Trong tháng 11 năm 2013, Tập đoàn HAPACO thực hiện vay Ngân hàng Thương mại Thế Hoa Quốc Thái (Đài Loan) số tiền là 12.000.000 USD; Tương đương 252.960 triệu đồng với lãi suất là 2,75%/năm và thực hiện gửi tiền tiết kiệm có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng. Do đó, doanh thu hoạt động tài chính về lãi tiền gửi và chi phí hoạt động tài chính về lãi tiền vay trong kỳ tăng mạnh so với 6 tháng đầu năm 2013.

## **2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI TẬP ĐOÀN HAPACO**

### **2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn HAPACO bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.  
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

### **2.2. Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

#### *Chế độ kế toán áp dụng*

Tập đoàn HAPACO áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 đã được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Thông tư 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

#### *Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán*

Tập đoàn HAPACO đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

#### *Hình thức kế toán áp dụng*

Tập đoàn HAPACO áp dụng hình thức sổ kế toán Nhật ký chung trên máy vi tính.

HAN  
JAN  
HAN  
A  
Y



### 2.3. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn HAPACO được lập trên cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính riêng của Tập đoàn HAPACO và báo cáo tài chính của các công ty con do Tập đoàn HAPACO kiểm soát (các công ty con). Việc kiểm soát đạt được khi Tập đoàn HAPACO có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Báo cáo tài chính của các công ty con được lập cho cùng kỳ kế toán với báo cáo tài chính của Tập đoàn HAPACO, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Tập đoàn HAPACO. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Tập đoàn HAPACO và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận hoặc lỗ và tài sản thuần không nắm giữ bởi cổ đông của Tập đoàn HAPACO và được trình bày ở mục riêng trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

Các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất:

Công ty con	Vốn điều lệ	Vốn chủ sở hữu tại 30/06/2014	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ (%)
Công ty TNHH HAPACO Hải Âu	32.894.800.000	26.169.600.000	26.169.600.000	100 %
Công ty TNHH HAPACO Yên Sơn	37.300.000.000	11.000.000.000	11.000.000.000	100 %
Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc	45.000.000.000	7.238.119.565	7.238.119.565	100 %
Công ty Cổ phần Hải Hà	20.000.000.000	13.000.000.000	8.000.000.000	61,54 %
Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P	127.000.000.000	155.630.855.217	155.630.855.217	100 %
Công ty TNHH HAPACO Phương Đông	30.000.000.000	10.984.455.931	10.984.455.931	100 %
Công ty Cổ phần TMDV Hải Phòng	12.132.000.000	6.132.000.000	6.121.980.000	99,84 %
Công ty TNHH HAPACO Việt Hưng	10.000.000.000	7.086.500.000	7.086.500.000	70,87%

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green chưa được Tập đoàn HAPACO đầu tư vốn nên không thực hiện hợp nhất trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn HAPACO.

### 2.4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Tập đoàn HAPACO có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn HAPACO. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng đã được chuyển nhượng cho các đối tác khác nên khoản đầu tư vào công ty liên kết nêu trên không điều chỉnh theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO đã đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Đông dục Tiên Sa số tiền là 2 tỷ đồng (chiếm 20% vốn điều lệ). Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Tập đoàn HAPACO sẽ thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp nêu trên trong năm 2011. Đến thời điểm 30/06/2014, Tập đoàn HAPACO chưa



hoàn tất được việc chuyển nhượng nêu trên và khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Đông Dược Tiên Sa không được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ trên Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn HAPACO.

## 2.5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên Báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá mua so với phần lợi ích của Tập đoàn HAPACO trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó và không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

## 2.6. Công cụ tài chính

### *Ghi nhận ban đầu*

#### Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Tập đoàn HAPACO bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

#### Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn HAPACO bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

### *Giá trị sau ghi nhận ban đầu*

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

## 2.7. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

## 2.8. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho từng khoản phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## 2.9. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.



5  
1  
F  
E  
=











## 2.16. Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn HAPACO (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc năm, các khoản mục tiền tệ (tiền mặt, tiền gửi, tiền đang chuyển, nợ phải thu, nợ phải trả không bao gồm các khoản Người mua ứng trước và Ứng trước cho người bán, Doanh thu nhận trước) có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn HAPACO mở tài khoản công bố tại thời điểm lập Báo cáo tài chính. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

## 2.17. Ghi nhận doanh thu

### *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Tập đoàn HAPACO không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tập đoàn HAPACO đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn HAPACO được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

## 2.18. Ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí cho vay và đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

5.  
Y  
H  
M  
S  
A

1  
2  
3  
4  
5  
6  
7  
8  
9  
10  
11  
12

## 2.19. Các khoản thuế

### Thuế hiện hành

Tài sản thuế và các khoản thuế phải nộp cho kỳ kế toán hiện hành và các kỳ kế toán trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ tính thuế.

Tại Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc - Công ty con của Tập đoàn HAPACO: Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 02/2003/UDDT/UB ngày 09/01/2003 của UBND tỉnh Hòa Bình: Công ty được hưởng thuế suất ưu đãi thuế TNDN là 10% trong thời hạn 15 năm; Công ty được miễn thuế TNDN trong 04 năm và giảm 50% số thuế phải nộp trong 09 năm tiếp theo. Năm 2014 là năm thứ 11 Công ty áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% và là năm thứ 07 Công ty được giảm 50% số thuế phải nộp.

## 3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tiền mặt	2.923.232.889	2.737.666.950
Tiền gửi ngân hàng	10.593.336.050	55.140.191.383
	<b>13.516.568.939</b>	<b>57.877.858.333</b>

## 4. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chứng khoán đầu tư ngắn hạn	103.584.924	103.584.924
Đầu tư ngắn hạn khác <sup>(1)</sup>	323.315.000.000	326.415.000.000
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(84.783.624)	(86.219.524)
	<b>323.333.801.300</b>	<b>326.432.365.400</b>

<sup>(1)</sup> Chi tiết các khoản Đầu tư ngắn hạn khác tại thời điểm 30/06/2014 như sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
- Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng <sup>(2)</sup>	322.815.000.000	315.615.000.000
- Cho Công ty Cổ phần TMDV XNK Hải Đăng vay	-	10.000.000.000
- Cho Công ty Cổ phần An Bình Văn Yên vay	500.000.000	800.000.000
	<b>323.315.000.000</b>	<b>326.415.000.000</b>

<sup>(2)</sup> Bao gồm tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn trên 3 tháng Tại Văn Phòng Tập đoàn HAPACO và tại Công ty TNHH Hapaco Hải Âu chi tiết như sau:

### Khoản tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại Văn phòng Tập đoàn HAPACO, chi tiết như sau:

- ✓ Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng theo hợp đồng tiền gửi số 12.12.2013EIB-HAPACO ngày 12/12/2013 với điều khoản chi tiết:
  - Số tiền gửi: 231.990.000.000 đồng;
  - Lãi tiền gửi: 8%/năm;
  - Kỳ hạn gửi: 12 tháng.
- ✓ Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Quân Đội với điều khoản chi tiết:
  - Số tiền gửi: Theo sổ tiết kiệm số LA 416927 là 10.000.000.000 đồng; Sổ tiết kiệm số LA 416928 là 11.095.000.000 đồng;



- Lãi tiền gửi: 8%/năm;
- Kỳ hạn gửi: 12 tháng.
- ✓ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 38.13.251.1165545.TG ngày 10/04/2013 và phụ lục hợp đồng tiền gửi số 38.13.251.1165545.PLTG ngày 10/04/2014 tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hải Phòng với các điều khoản chi tiết:
  - Số tiền gửi: 8.000.000.000 đồng;
  - Lãi tiền gửi: 7%/năm;
  - Kỳ hạn gửi: 12 tháng.
- ✓ Hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn số 104.13.251.1165545.TG ngày 23/12/2013 tại Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh Hải Phòng
  - Số tiền gửi: 2.500.000.000 đồng;
  - Lãi tiền gửi: 7,5%/năm;
  - Kỳ hạn gửi: 12 tháng.

Khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội tại Công ty TNHH Hapaco Hải Âu số tiền 59.230.000.000 đồng, chi tiết như sau:

Ngày hợp đồng	Số hợp đồng	Số Phụ lục hợp đồng	Lãi suất	Ngày đáo hạn	Số dư tiền gửi
04/06/2013	55.13.251.1084223.TG	55.13.251.1084223.PLTG	7,00%	04/06/2015	2.000.000.000
26/09/2013	100.13.251.1084223.TG		7,50%	26/09/2014	2.000.000.000
02/10/2013	101.13.251.1084223.TG		7,50%	02/10/2014	5.000.000.000
15/11/2013	110.12.251.1084223.TG		7,50%	15/11/2014	8.330.000.000
03/12/2013	114.12.251.1084223.TG		7,50%	03/12/2014	2.500.000.000
17/12/2013	117.12.251.1084223.TG		7,50%	17/12/2014	6.500.000.000
25/12/2013	124.12.251.1084223.TG		7,50%	25/12/2014	1.500.000.000
03/01/2014	01.14.251.1084223.TG	14.13.251.1084223.PLTG	7,50%	03/01/2015	4.200.000.000
10/01/2013	04.13.251.1084223.TG	04.13.251.1084223.PLTG	7,50%	10/01/2015	2.000.000.000
17/01/2013	07.13.251.1084223.TG	07.13.251.1084223.PLTG	7,50%	17/01/2015	2.800.000.000
17/01/2014	01.14.251.1084223.TG		7,50%	17/01/2015	2.000.000.000
22/01/2013	13.13.251.1084223.TG	13.13.251.1084223.PLTG	7,50%	22/01/2015	6.200.000.000
28/01/2013	12.13.251.1084223.TG	12.13.251.1084223.PLTG	7,50%	28/01/2015	3.000.000.000
28/02/2013	22.13.251.1084223.TG	22.13.251.1084223.PLTG	7,50%	28/02/2015	2.400.000.000
19/03/2013	25.13.251.1084223.TG	25.13.251.1084223.PLTG	7,00%	19/03/2015	4.300.000.000
10/04/2013	37.13.251.1084223.TG	37.13.251.1084223.PLTG	7,00%	10/04/2015	3.500.000.000
15/05/2014	14.14.251.1084223.TG		7,50%	15/05/2015	1.000.000.000

**59.230.000.000**

5. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải thu người lao động	110.544.266	102.935.048
Phải thu khác (*)	199.426.104.800	142.292.633.901
	<b>199.536.649.066</b>	<b>142.395.568.949</b>

(\*) Chi tiết Các khoản phải thu ngắn hạn khác tại thời điểm 30/06/2014 như sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
- Phải thu về lãi tiền gửi	16.254.086.539	5.273.145.821
- Phải thu Công ty Cổ phần Chế biến Nông Lâm sản Thành phố Hà Giang	1.028.804.852	1.028.804.852
- Phải thu Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	44.183.278.238	44.115.774.238
- Phải thu Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Hải Đăng	1.508.848.888	1.511.670.637
- Phải thu Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	18.940.485.871	18.940.485.871
- Phải thu về tiền chi hộ Công ty Văn Bàn - Lào Cai	500.000.000	500.000.000
- Phải thu công nợ cá nhân	9.873.100.000	-
- Hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	97.207.885.000	65.054.885.000
- Phải thu quỹ khen thưởng phúc lợi chi vượt	1.881.756.968	1.441.947.968
- Phải thu Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green	1.208.822.960	-
- Phải thu Công ty Cổ phần KCN Hải Phòng	2.050.000.000	-
- Phải thu các đối tượng khác	4.789.035.484	4.425.919.514
	<b>199.426.104.800</b>	<b>142.292.633.901</b>

(\*) Theo Hợp đồng Hợp tác Đầu tư – Kinh doanh số 30.6/2012/HTĐT ngày 30 tháng 06 năm 2012 và Phụ lục Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/HĐĐT-PL01 ngày 01/07/2013 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO và Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO thì Tập đoàn HAPACO chuyển cho Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO để cùng hợp tác đầu tư tối đa là 100 tỷ đồng vào mục đích hợp tác do hai bên thỏa thuận. Theo đó, hai bên quyết toán kết quả hợp tác đầu tư kinh doanh định kỳ 6 tháng một lần. Ngoài ra, trong trường hợp có rủi ro và thua lỗ, Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO phải chịu trách nhiệm 100% về khoản vốn bị thua lỗ và hoàn thành mọi nghĩa vụ tài chính liên quan đến nhà nước, đối tác và khách hàng. Tại thời điểm 30/06/2014, Tập đoàn HAPACO đã chuyển cho đối tác trong Hợp đồng Hợp tác Đầu tư - Kinh doanh số tiền là 97.207.885.000 đồng.





**6. HÀNG TỒN KHO**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	2.005.360.207	1.300.152.278
Nguyên liệu, vật liệu	26.802.222.960	24.791.792.321
Công cụ, dụng cụ	1.552.584.935	1.315.216.701
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	11.188.445.412	10.836.465.550
Thành phẩm	67.371.790.097	61.832.811.075
Hàng hoá	6.437.362.417	134.128.413
Hàng gửi đi bán	5.223.552.037	1.486.268.155
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(225.992.241)	(187.292.241)
	<b>120.355.325.824</b>	<b>101.509.542.252</b>

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Trích trước chi phí tiền lương, lễ tết	2.441.811.584	65.849.000
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	491.065.071	439.228.672
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	194.030.442	39.821.639
Chi phí khác chờ phân bổ	136.239.476	238.370.228
	<b>3.263.146.573</b>	<b>783.269.539</b>

**8. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tạm ứng	2.510.039.774	2.481.310.527
Tài sản thiếu chờ xử lý	668.860.319	668.860.319
Các khoản thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	403.967.539	1.531.164.034
	<b>3.582.867.632</b>	<b>4.681.334.880</b>

UOT  
CƠ  
CHNH  
NGH  
AA  
KIẾ

JKK

5/3





**10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

	Máy móc, thiết bị	Cộng
	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>		
Số dư đầu năm	4.337.618.912	4.337.618.912
Số tăng trong kỳ	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.337.618.912</b>	<b>4.337.618.912</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>		
Số dư đầu năm	528.349.032	528.349.032
Số tăng trong kỳ	216.880.944	216.880.944
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	216.880.944	216.880.944
Số giảm trong kỳ	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>745.229.976</b>	<b>745.229.976</b>
<b>Giá trị còn lại</b>		
Tại ngày đầu năm	3.809.269.880	3.809.269.880
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>3.592.388.936</b>	<b>3.592.388.936</b>

**11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất	TSCĐ vô hình khác	Cộng
	VND	VND	VND
<b>Nguyên giá</b>			
Số dư đầu năm	5.845.229.650	1.260.865.278	7.106.094.928
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>5.845.229.650</b>	<b>1.260.865.278</b>	<b>7.106.094.928</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Số dư đầu kỳ	1.899.699.664	409.781.197	2.309.480.861
Số tăng trong kỳ	146.130.744	31.521.630	177.652.374
- <i>Khấu hao trong kỳ</i>	146.130.744	31.521.630	177.652.374
Số giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>2.045.830.408</b>	<b>441.302.827</b>	<b>2.487.133.235</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày đầu năm	3.945.529.986	851.084.081	4.796.614.067
<b>Tại ngày cuối kỳ</b>	<b>3.799.399.242</b>	<b>819.562.451</b>	<b>4.618.961.693</b>



HAPACO

## 12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Xây dựng cơ bản dở dang</b>	<b>331.847.588.256</b>	<b>256.744.954.350</b>
- Dự án Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Hải Phòng <sup>(1)</sup>	316.892.938.637	240.936.010.521
- Dự án nhà máy lọc dầu Đình Vũ <sup>(2)</sup>	8.412.508.611	8.412.508.611
- Dự án Khu công nghiệp Trảng Cát <sup>(2)</sup>	4.118.782.919	5.050.782.919
- Nhà máy giấy Hải Hà	1.558.422.298	1.558.422.298
- Dự án nhà làm việc Xí nghiệp Văn Yên	93.500.000	93.500.000
- Dự án nhà máy nghiền Cacbonat	358.700.001	358.700.001
- Dự án xây dựng trường mầm non	150.000.000	150.000.000
- Công trình xây dựng lò đốt củi	77.705.790	-
- Chi phí xây dựng khu xử lý nước thải	85.030.000	85.030.000
- Dự án nhà máy điện Phiêng Côn Sơn La	100.000.000	100.000.000
<b>Sửa chữa lớn tài sản cố định</b>	<b>181.956.363</b>	<b>181.956.363</b>
- Cải tạo dây chuyền số 1 của Xí nghiệp liên doanh Văn Bàn	181.956.363	181.956.363
	<b>332.029.544.619</b>	<b>256.926.910.713</b>

<sup>(1)</sup> Dự án Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Hải Phòng có tổng dự toán 299,7 tỷ đồng. Đến thời điểm 30/06/2014, Dự án đã hoàn thiện cơ bản các hạng mục chính và dự kiến hoàn thành trong năm 2014.

<sup>(2)</sup> Bao gồm chi phí triển khai của các Dự án Nhà máy lọc dầu Đình Vũ và KCN Trảng Cát, hiện Tập đoàn đang tạm dừng các dự án này và tìm phương án xử lý phù hợp với quy hoạch phát triển của Thành phố.

## 13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Đầu tư vào công ty liên kết</b>	<b>75.976.000.000</b>	<b>75.976.000.000</b>
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng	75.976.000.000	75.976.000.000
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>	<b>76.671.251.523</b>	<b>66.797.251.523</b>
Góp vốn vào Quỹ tín dụng tỉnh Yên Bái	350.000.000	350.000.000
Góp vốn liên doanh tại Công ty Cổ phần An Bình	450.000.000	450.000.000
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	23.624.251.523	23.624.251.523
Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa	2.000.000.000	2.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 2 năm	25.000.000.000	25.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	15.000.000.000	15.000.000.000
Cho vay dài hạn 2 năm	10.247.000.000	373.000.000
<b>Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn <sup>(1)</sup></b>	<b>(11.664.385.400)</b>	<b>(11.986.678.082)</b>
	<b>140.982.866.123</b>	<b>130.786.573.441</b>

<sup>(1)</sup> Chi tiết số dư Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại thời điểm 30/06/2014 như sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	2.673.971.754	2.683.206.902
Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	8.990.413.646	9.303.471.180
	<b>11.664.385.400</b>	<b>11.986.678.082</b>



15/06/2014



**Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết**

Thông tin chi tiết về các công ty liên doanh, liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2014 như sau:

Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	TL biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng	Hải Phòng	15,2%	30%	Khai thác cát, đá, sỏi; Kinh doanh xăng dầu, khách sạn

Vốn thực góp của Tập đoàn HAPACO tại Công ty Cổ phần Khu công nghiệp Hải Phòng tại thời điểm 30/06/2014 là: 75.976.000.000 đồng tương đương 7.597.600 Cổ phần, chiếm 15,2% vốn góp điều lệ của Công ty.

**14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	1.096.388.721	1.927.917.456
Số tăng trong kỳ	652.281.731	1.145.792.035
Số đã kết chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ	(764.298.535)	(1.015.063.987)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>984.371.917</b>	<b>2.058.645.504</b>

Trong đó chi tiết số dư cuối kỳ bao gồm:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	505.770.886	539.027.572
Chi phí sửa chữa lớn TSCĐ chờ phân bổ	478.601.031	557.361.149
	<b>984.371.917</b>	<b>1.096.388.721</b>

**15. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.988.469.920	6.822.563.360
Số đã phân bổ trong kỳ	(917.046.720)	(917.046.720)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>4.071.423.200</b>	<b>5.905.516.640</b>

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua các Công ty con với nguyên giá 18.340.934.400 đồng được Công ty thực hiện phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong thời gian 10 năm.

11/01/2014 11:54:00 AM

16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>403.854.902.222</b>	<b>396.550.110.422</b>
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Yên Bái <sup>[1]</sup>	940.000.000	5.803.245.635
- Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng <sup>[2]</sup>	28.970.972.180	29.083.710.911
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng <sup>[3]</sup>	105.231.888.312	108.703.153.876
- Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam- CN Hải Phòng <sup>[4]</sup>	13.112.041.730	-
- Ngân hàng Thương mại Thế Hoa Quốc Thái <sup>[5]</sup>	255.600.000.000	252.960.000.000
<b>Vay ngắn hạn đối tượng khác</b>	<b>43.650.000.000</b>	<b>28.600.000.000</b>
- Công ty TNHH Đầu tư tài chính Hapaco <sup>[6]</sup>	700.000.000	700.000.000
- Vay cá nhân <sup>[7]</sup>	42.950.000.000	27.900.000.000
<b>Nợ dài hạn đến hạn trả (Xem chi tiết tại Thuyết minh số 20)</b>	<b>26.670.420.000</b>	<b>27.240.840.000</b>
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hà Nội	570.420.000	1.140.840.000
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng	26.100.000.000	26.100.000.000
	<b>474.175.322.222</b>	<b>452.390.950.422</b>

Thông tin chi tiết các khoản vay ngắn hạn tại thời điểm 30/06/2014 như sau:

<sup>[1]</sup> Hợp đồng tín dụng số 07/2014/783193/HĐTD ngày 30/06/2013 giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Yên Bái và Công ty TNHH Hapaco Yên Sơn với các điều khoản chi tiết như sau:

- Hạn mức tín dụng: 940.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức vay đến ngày 30/06/2014;
- Thời hạn vay: 02 tháng kể từ ngày bên vay rút khoản vốn đầu tiên;
- Lãi suất cho vay: 9,5%/năm, cố định trong suốt thời gian vay;
- Mục đích sử dụng vốn vay: Thanh toán tiền mua xút;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng 17 xe ô tô của Công ty theo Hợp đồng thế chấp đã ký giữa Công ty và Ngân hàng. Tổng giá trị tài sản đến thời điểm định giá gần nhất là: 2.760 triệu đồng;
- Số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2014 là: 940.000.000 đồng.

<sup>[2]</sup> Hợp đồng vay số 2100-LAV 201200596/HĐTD ngày 31/10/2012 và Phụ lục Hợp đồng số 2012.00596.01/PLHD ngày 11/06/2013 giữa Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng và Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P với các điều khoản sau:

- Hạn mức tín dụng: 30.000.000.000 đồng;
- Thời hạn vay: 07 tháng;
- Mục đích vay vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh giấy Kraf, Duplex các loại;
- Hình thức bảo đảm: Thế chấp bằng tài sản là toàn bộ công trình nhà máy, dây chuyền máy móc đồng bộ, máy móc thiết bị phục vụ sản xuất giấy Kraft thuộc Công ty Cổ phần Hapaco H.P.P. Giá trị Tài sản bảo đảm là 62.202.000.000 đồng;
- Số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2014 là: 28.970.972.180 đồng.

<sup>[3]</sup> Hợp đồng tín dụng số 01.14.251.1084223.TD.DN ngày 07/01/2014 giữa Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hải Phòng và Công ty TNHH Hapaco Hải Âu với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: Tổng số tiền cam kết tối đa tại mọi thời điểm là 6.000.000 USD;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất giấy năm 2014;
- Thời hạn vay: Thời hạn giải ngân từ khi ký kết hợp đồng đến hết ngày 31/01/2015;
- Lãi suất vay: Lãi suất trong hạn là lãi suất cố định hoặc thả nổi được áp dụng theo quy định của Ngân hàng TMCP Quân đội trong từng thời kỳ và được ghi cụ thể trong khế ước nhận nợ;



- Hình thức đảm bảo: Đảm bảo bằng tài sản bao gồm: Sổ tiết kiệm, hợp đồng tiền gửi của Bên vay hoặc bên thứ ba; Tài sản đảm bảo khác như phương tiện vận tải, LC xuất khẩu và bất động sản;
- Số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2014 là 4.940.464,24 USD, tương đương 105.231.888.312 đồng.

<sup>[4]</sup> Khoản vay giữa Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng và Công ty TNHH Hapaco Hải Âu gồm 3 Hợp đồng tín dụng như sau:

Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1603- LDS - 201400163 ngày 20/01/2014 với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền vay: 341.621 USD;
- Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Mục đích vay : Thanh toán tiền mua giấy Kraf cho Công ty TNHH HAPACO H.P.P;
- Lãi suất: 3%/năm;
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- Hình thức đảm bảo: Thẻ chấp bằng tài sản của bên thứ ba theo hợp đồng bảo đảm số 03/HĐBĐ/EIBHP ngày 07/01/2014;
- Số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2014 là 280.000 USD, tương đương 5.927.600.000 đồng.

Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1603- LDS - 201400378 ngày 21/02/2014 với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền vay: 125.807 USD;
- Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền lương kỳ 1 tháng 02/2014; Tiền điện kỳ 2 tháng 02/2014; Tiền giấy Kraf cho Công ty TNHH HAPACO H.P.P theo Hợp đồng mua bán số 02/2014 HA-HPP ngày 05/02/2014;
- Lãi suất: 3%/năm;
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- Hình thức đảm bảo: Thẻ chấp bằng tài sản của bên thứ ba theo hợp đồng bảo đảm số 03/HĐBĐ/EIBHP ngày 07/01/2014;
- Số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2014 là 125.807 USD, tương đương 2.663.334.190 đồng.

Hợp đồng tín dụng kiêm khế ước nhận nợ số 1603- LDS - 201400204 ngày 22/01/2014 với các điều khoản chi tiết sau:

- Số tiền vay: 213.562 USD;
- Thời hạn vay: 06 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên;
- Mục đích vay: Thanh toán tiền mua giấy Kraf cho công ty HPP;
- Lãi suất: 3%/năm;
- Lãi suất quá hạn: 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- Hình thức đảm bảo: Thẻ chấp bằng tài sản của bên thứ ba theo hợp đồng bảo đảm số 03/HĐBĐ/EIBHP ngày 07/01/2014;
- Số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2014 là 213.562 USD, tương đương 4.521.107.540 đồng.

<sup>[5]</sup> Hợp đồng vay giữa Ngân hàng Thương mại Thế Hoa Quốc Thái (Đài Loan) và Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 12.000.000 USD;
- Lãi suất vốn vay: 2,75%/năm;
- Số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2014 là 12.000.000USD, tương đương 255.600.000.000 đồng.

<sup>[6]</sup> Hợp đồng vay vốn số 15/07/HĐV ngày 15/07/2009 giữa Công ty Cổ phần Hapaco HPP và Công ty TNHH Đầu tư Tài chính Hapaco có thời hạn thanh toán gốc vay là ngày 15/08/2009. Tuy nhiên, đến thời điểm ngày 30/06/2014

Công ty chưa thanh toán hết khoản vay này cho Công ty TNHH Đầu tư Tài chính Hapaco. Số dư nợ gốc vay đến thời điểm 30/06/2014 là 700.000.000 đồng.

[7] Các khoản vay cá nhân tại thời điểm 30/06/2014 với các điều khoản chi tiết sau:

- Thời hạn vay: 6 tháng;
- Lãi suất vay: 9%/ năm;
- Mục đích vay: Bổ sung vốn thực hiện đầu tư Dự án Bệnh viện Phụ sản Quốc tế và bổ sung vốn lưu động cho các Công ty thành viên;
- Hình thức đảm bảo khoản vay: Thế chấp bằng tài sản của bên thứ ba theo hợp đồng bảo đảm số 03/HĐBĐ/EIBHP ngày 07/01/2014;
- Số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2014 là 42.950.000.000 đồng.

#### 17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	1.955.266.715	3.227.885.212
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.792.884.202	2.483.391.868
Thuế thu nhập cá nhân	358.293.833	307.788.886
Thuế tài nguyên	9.423.709	5.912.315
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	2.159.433.416	1.424.833.738
Các loại thuế khác	241.629.492	267.762.114
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	3.907.152	-
	<b>6.520.838.519</b>	<b>7.717.574.133</b>

Quyết toán thuế của Tập đoàn HAPACO sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

#### 18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí lãi vay phải trả	6.668.073.052	3.076.026.433
Trích trước chi phí tiền lương, ăn ca, tiền lễ, tiền phép trích trước	548.856.337	1.310.335.637
Chi phí tiền điện, nước, chi phí vận chuyển	408.715.725	265.556.912
Trích trước chi phí thực hiện hợp đồng	469.521.000	710.172.024
Trích trước chi phí lãi vay được vốn hóa cho Dự án Bệnh viện	994.146.224	215.841.667
Chi phí phải trả khác	625.023.750	926.715.911
	<b>9.714.336.088</b>	<b>6.504.648.584</b>



**19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢ NGẮN HẠN KHÁC**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Tài sản thừa chờ xử lý	164.340.050	164.340.050
Kinh phí công đoàn	284.950.032	292.286.262
Bảo hiểm xã hội	3.065.368.798	55.867.914
Phải trả về cổ phần hóa	591.246.901	591.246.901
Các khoản phải trả, phải nộp khác (*)	78.271.716.851	33.098.700.641
	<b>82.377.622.632</b>	<b>34.202.441.768</b>

(\*) Chi tiết số dư Các khoản phải trả, phải nộp khác tại thời điểm 30/06/2014 như sau:

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
Cổ tức phải trả cổ đông	16.052.326.000	-
Phải trả Công ty Cổ phần Chứng khoán Hải Phòng	14.382.539.478	14.382.539.478
Công ty Cổ phần đầu tư Hafinco	2.439.922.000	2.439.922.000
Tiền xăng xe trung tâm taxi	84.751.990	86.035.380
Phải trả công nợ cá nhân	41.008.504.293	12.519.004.293
Phải trả, phải nộp khác	4.303.673.090	3.671.199.490
	<b>78.271.716.851</b>	<b>33.098.700.641</b>

**20. VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN**

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Vay dài hạn ngân hàng</b>	<b>132.377.388.897</b>	<b>94.620.233.000</b>
- Ngân hàng TMCP Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - CN Hải Phòng <sup>[1]</sup>	33.496.302.897	-
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng <sup>[2]</sup>	98.881.086.000	94.620.233.000
<b>Nợ dài hạn thuê tài chính</b>	<b>611.667.578</b>	<b>611.667.578</b>
- Ngân hàng TMCP Á Châu - Chi nhánh Hà Nội <sup>[3]</sup>	611.667.578	611.667.578
	<b>132.989.056.475</b>	<b>95.231.900.578</b>

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay dài hạn tại ngày 30/06/2014 như sau:

<sup>[1]</sup> Hợp đồng tín dụng số 1603 - LAV - 201400379 ngày 24/03/2014 giữa Công ty TNHH Hapaco Hải Âu và Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu Việt Nam – Chi nhánh Hải Phòng với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 2.600.000 USD;
- Thời hạn cho vay: 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên;
- Lãi suất cho vay: Áp dụng với từng lần giải ngân là lãi suất cho vay do Ngân hàng Eximbank công bố có hiệu lực tại thời điểm giải ngân;
- Mục đích vay: Mở LC và cho vay nhập khẩu máy móc thiết bị phục vụ góp vốn đầu tư bằng máy móc thiết bị vào dự án Bệnh viện phụ sản Quốc tế Hải Phòng;
- Biện pháp đảm bảo tiền vay: Thế chấp
- + Thế chấp tài khoản tiền gửi tại Ngân hàng Eximbank thuộc sở hữu của ông Vũ Dương Hiền với tổng trị giá tương đương 2.650.000 USD;
- + Tài sản hợp pháp của chủ doanh nghiệp.
- Số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2014 là 33.496.302.897 đồng.

[2] Hợp đồng tín dụng đầu tư số 06/2010/HĐTĐĐT-NHĐT ngày 15/12/2010 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO và Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Ngân hàng Phát triển Hải Phòng với các điều khoản chi tiết sau:

- Hạn mức tín dụng: 209.000.000.000 đồng;
- Mục đích sử dụng tiền vay: Đầu tư dự án Bệnh viện Phụ Sản Quốc tế Hải Phòng theo quyết định Phê duyệt Dự án đầu tư số 88/QĐ/HAP ngày 24/06/2010 của HĐQT Công ty Cổ Phần Tập đoàn HAPACO;
- Thời gian trả nợ: 72 tháng;
- Thời gian ân hạn: 24 tháng;
- Thời hạn rút vốn: 12 tháng từ ngày ký hợp đồng;
- Lãi suất vay: 9,6%/năm. Lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn;
- Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp bằng tài sản hình thành sau đầu tư với tổng giá trị: 299.668,83 triệu đồng bao gồm:
  - + Tòa nhà 9 tầng và khu phụ trợ tọa lạc trên diện tích đất 11.406,1 m<sup>2</sup> theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BB 245932 ngày 09/04/2010 do UBND Thành phố Hải phòng cấp;
  - + Toàn bộ trang thiết bị của Bệnh viện.
- Số dư gốc vay tại thời điểm 30/06/2014 là 124.981.086.000 đồng. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả trong 6 tháng cuối năm 2014 là 26.100.000.000 đồng.

[3] Là khoản nợ thuê tài chính tại Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hà Nội với các hợp đồng Thuê tài chính sau:

*Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.04.12/HĐCTTC.2 - H.P.P ngày 05/06/2012; Trong đó:*

- Tài sản cho thuê: Nồi hơi 15 tấn, Dây chuyền sản xuất máy xeo;
- Số tiền cho thuê: Nồi hơi 15 tấn: 1.635.200.000 cộng 100% phí bảo hiểm trừ 11.207.456 đồng; Dây chuyền sản xuất máy xeo: Số tiền cho thuê: 46.104 USD cộng 80% thuế nhập khẩu, phí các loại và 100% phí bảo hiểm;
- Lãi suất: Theo từng khế ước nhận nợ cụ thể;
- Thời hạn cho thuê: 36 tháng.

*Hợp đồng cho thuê tài chính số 03.04.13/HĐCTTC - H.P.P ngày 06/05/2013 trong đó:*

- Tài sản cho thuê: Máy cắt giấy;
- Số tiền cho thuê: 425.700.000 cộng 100% phí Bảo hành;
- Lãi suất: 3 tháng đầu 14% các tháng còn lại theo Lãi suất 13T + 5%;
- Thời hạn cho thuê: 24 tháng.

Số dư nợ thuê tài chính tại thời điểm 30/06/2014 là: 1.182.087.578 đồng. Trong đó, nợ dài hạn đến hạn trả là 570.420.000 đồng.



**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của CSH		Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ (1)	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng	
	VND	VND						VND	VND
<b>Số dư đầu năm trước</b>	<b>280.752.610.000</b>	<b>168.200.434.219</b>	<b>168.200.434.219</b>	<b>(4.662.935.543)</b>	<b>60.153.508.593</b>	<b>6.616.551.635</b>	<b>22.518.690.641</b>	<b>533.578.859.545</b>	<b>1.714.264.526</b>
Tăng vốn trong năm trước	43.562.874.526	(41.848.610.000)	(41.848.610.000)	-	-	-	-	1.714.264.526	-
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	-	-	-	21.468.348.275	21.468.348.275	-
Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	(15.980.047.826)	(15.980.047.826)	-
Trích lập quỹ khen thưởng	-	-	-	-	-	-	(4.600.000)	(4.600.000)	-
<b>Số dư cuối kỳ trước</b>	<b>324.315.484.526</b>	<b>126.351.824.219</b>	<b>126.351.824.219</b>	<b>(4.662.935.543)</b>	<b>60.153.508.593</b>	<b>6.616.551.635</b>	<b>28.002.391.090</b>	<b>540.776.824.520</b>	<b>540.776.824.520</b>
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>322.601.220.000</b>	<b>126.351.824.219</b>	<b>126.351.824.219</b>	<b>(4.662.935.543)</b>	<b>60.153.508.593</b>	<b>6.616.551.635</b>	<b>45.877.291.056</b>	<b>556.937.459.960</b>	<b>556.937.459.960</b>
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	2.061.050.187	2.061.050.187	-
Trả cổ tức bằng tiền mặt (2)	-	-	-	-	-	-	(16.052.326.000)	(16.052.326.000)	-
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	(147.100.000)	(147.100.000)	-
Bổ sung thuế TNDN tại Công ty con	-	-	-	-	-	-	(15.000.000)	(15.000.000)	-
<b>Số dư cuối kỳ này</b>	<b>322.601.220.000</b>	<b>126.351.824.219</b>	<b>126.351.824.219</b>	<b>(4.662.935.543)</b>	<b>60.153.508.593</b>	<b>6.616.551.635</b>	<b>31.723.915.243</b>	<b>542.784.084.147</b>	<b>542.784.084.147</b>

(1) Chi tiết số dư cổ phiếu quỹ tại thời điểm 30/06/2014 như sau:

	30/06/2014
	VND
Cổ phiếu quỹ của Tập đoàn Hapaco	(4.570.790.000)
Cổ phiếu quỹ của Công ty TNHH MTV Hapaco Yên Sơn tại thời điểm hoàn đổi	(92.145.543)
	<b>(4.662.935.543)</b>

(2) Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2014 số 02/2014/NQ-HAP ngày 05/04/2014, Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 03/NQ-HAP ngày 23/05/2014, Tập đoàn HAPACO chi trả cổ tức đợt I năm 2013 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 5%. Ngày chốt quyền nhận cổ tức là 12/06/2014, ngày thanh toán cổ tức là 11/07/2014.



b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/06/2014	Tỷ lệ	01/01/2014	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
Vốn góp của Ông Vũ Dương Hiền	21.629.060.000	6,70%	21.629.060.000	6,70%
Cổ phiếu quỹ	1.554.700.000	0,48%	1.554.700.000	0,48%
Vốn góp của đối tượng khác	299.417.460.000	92,81%	299.417.460.000	92,81%
<b>Cộng</b>	<b>322.601.220.000</b>	<b>100%</b>	<b>322.601.220.000</b>	<b>100%</b>

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	322.601.220.000	322.601.220.000
- <i>Vốn góp đầu năm</i>	322.601.220.000	280.752.610.000
- <i>Vốn góp tăng trong kỳ</i>	-	41.848.610.000
- <i>Vốn góp giảm trong kỳ</i>	-	-
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	322.601.220.000	322.601.220.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	16.052.326.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia bằng tiền trên lợi nhuận năm trước</i>	16.052.326.000	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2014	01/01/2014
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	32.260.122	32.260.122
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	32.260.122	32.260.122
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.260.122	32.260.122
Số lượng cổ phiếu được mua lại	155.470	155.470
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	155.470	155.470
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	32.104.652	32.104.652
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	32.104.652	32.104.652

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

e) Các quỹ của công ty

	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
- Quỹ đầu tư phát triển	60.153.508.593	60.153.508.593
- Quỹ dự phòng tài chính	6.616.551.635	6.616.551.635
<b>Cộng</b>	<b>66.770.060.228</b>	<b>66.770.060.228</b>

22. TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	162.213.438.036	159.141.063.445
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.779.119.984	2.198.361.520
	<b>163.992.558.020</b>	<b>161.339.424.965</b>



**23. CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	346.032.879	582.112.967
Hàng bán bị trả lại	-	8.378.816
	<b>346.032.879</b>	<b>590.491.783</b>

**24. DOANH THU THUẬN BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	161.867.405.157	158.550.571.662
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.779.119.984	2.198.361.520
	<b>163.646.525.141</b>	<b>160.748.933.182</b>

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Giá vốn của hàng hoá đã bán	135.285.280.818	135.102.933.985
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.743.944.909	2.081.089.629
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	38.700.000	-
	<b>137.067.925.727</b>	<b>137.184.023.614</b>

**26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	14.374.457.681	2.608.983.594
Lãi từ chuyển nhượng cổ phần <sup>[1]</sup>	-	23.410.000.000
Hoa hồng môi giới chứng khoán	-	15.628.983
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	108.812.786	532.706.382
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	210.258
	<b>14.483.270.467</b>	<b>26.567.529.217</b>

<sup>[1]</sup> Lợi nhuận từ chuyển nhượng 1.377.000 cổ phiếu đầu tư tại Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng theo Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/CN-HAP ngày 10/06/2013.

111  
NG  
PHIẾ  
KH  
A  
KII

10/06/2014  
C  
H  
/





### 31. CHI PHÍ KHÁC

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Giá trị còn lại của Tài sản cố định thanh lý	-	1.587.665.467
Chi phí khấu hao TSCĐ giai đoạn dừng sản xuất	120.945.180	-
Phạt hợp đồng, phạt hành chính	549.724.515	277.288.802
Chi phí khác	34.633.965	626.569
	<b>705.303.660</b>	<b>1.865.580.838</b>

### 32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
<b>Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành</b>		
Công ty Cổ phần Hapaco Hải Âu	635.683.380	743.305.017
Công ty Cổ phần Hapaco Yên Sơn	168.608.216	161.030.290
Công ty Cổ phần Hapaco Đông Bắc	306.319.253	273.880.155
Công ty Cổ phần Hải Hà	20.831.009	-
Công ty TNHH HAPACO Việt Hưng	-	63.069.581
	<b>1.131.441.858</b>	<b>1.241.285.043</b>

### 33. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ

	Tỷ lệ cổ đông thiểu số %	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Lợi nhuận cổ đông thiểu số VND	Lợi ích cổ đông thiểu số VND
<b>Chi tiết tại 30/06/2014</b>				
Công ty Cổ phần Hải Hà	38,46%	13.000.000.000	251.683.471	4.567.518.024
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Hải Phòng	0,16%	6.132.000.000	(293.463)	-
<b>Cộng</b>		<b>19.132.000.000</b>	<b>251.390.008</b>	<b>4.567.518.024</b>
<b>Chi tiết tại 01/01/2014</b>				
Công ty Cổ phần Hải Hà	38,46%	13.000.000.000	344.405.668	4.315.834.556
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Hải Phòng	0,16%	6.132.000.000	(1.206.651)	293.463
<b>Cộng</b>		<b>19.132.000.000</b>	<b>343.199.017</b>	<b>4.316.128.019</b>

HAI PHONG  
HAI AN  
YEN SON  
DONG BAC  
HAI HA  
VIET HUNG

53  
NG  
PH  
EX  
PA  
N

### 34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	2.061.050.187	21.468.348.275
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	2.061.050.187	21.468.348.275
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	32.260.122	27.919.791
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>64</b>	<b>769</b>

### 35. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	76.413.125.401	111.246.718.059
Chi phí nhân công	32.576.259.912	36.062.821.138
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9.834.726.310	9.598.263.825
Chi phí dự phòng	116.966.945	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.859.019.560	22.883.109.544
Chi phí khác bằng tiền	10.782.544.999	11.531.873.743
	<b>154.582.643.127</b>	<b>191.322.786.309</b>

### 36. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị số kế toán			
	30/06/2014		01/01/2014	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.516.568.939	-	57.877.858.333	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	243.933.204.618	(5.469.888.843)	187.157.137.753	(5.352.921.898)
Các khoản cho vay	358.562.000.000	-	351.788.000.000	-
Đầu tư ngắn hạn	103.584.924	(84.783.624)	103.584.924	(86.219.524)
Đầu tư dài hạn	41.424.251.523	(11.664.385.400)	41.424.251.523	(11.986.678.082)
	<b>657.539.610.004</b>	<b>(17.219.057.867)</b>	<b>638.350.832.533</b>	<b>(17.425.819.504)</b>



	Giá trị số kế toán	
	30/06/2014	01/01/2014
	VND	VND
<b>Nợ phải trả tài chính</b>		
Vay và nợ	607.164.378.697	547.622.851.000
Phải trả người bán, phải trả khác	137.975.095.125	84.992.445.622
Chi phí phải trả	9.714.336.088	6.504.648.584
	<b>754.853.809.910</b>	<b>639.119.945.206</b>

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

#### Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Tập đoàn HAPACO bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Tập đoàn HAPACO đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn HAPACO có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

#### Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn HAPACO sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

##### Rủi ro về giá:

Tập đoàn HAPACO chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán Tập đoàn HAPACO chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

##### Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Tập đoàn HAPACO chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Tập đoàn HAPACO được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

##### Rủi ro về lãi suất:

Tập đoàn HAPACO chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Tập đoàn HAPACO có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Tập đoàn HAPACO quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn HAPACO.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn HAPACO. Tập đoàn HAPACO có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

M.S.A  
11/12/2014

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	13.516.568.939	-	-	13.516.568.939
Phải thu khách hàng, phải thu khác	238.463.315.775	-	-	238.463.315.775
Các khoản cho vay	323.315.000.000	35.247.000.000	-	358.562.000.000
Đầu tư ngắn hạn	18.801.300	-	-	18.801.300
Đầu tư dài hạn	-	-	29.759.866.123	29.759.866.123
<b>Cộng</b>	<b>575.313.686.014</b>	<b>35.247.000.000</b>	<b>29.759.866.123</b>	<b>640.320.552.137</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	57.877.858.333	-	-	57.877.858.333
Phải thu khách hàng, phải thu khác	181.804.215.855	-	-	181.804.215.855
Các khoản cho vay	326.415.000.000	25.373.000.000	-	351.788.000.000
Đầu tư ngắn hạn	17.365.400	-	-	17.365.400
Đầu tư dài hạn	-	-	29.437.573.441	29.437.573.441
<b>Cộng</b>	<b>566.114.439.588</b>	<b>25.373.000.000</b>	<b>29.437.573.441</b>	<b>620.925.013.029</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn HAPACO gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn HAPACO chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>Tại ngày 30/06/2014</b>				
Vay và nợ	474.175.322.222	132.989.056.475	-	607.164.378.697
Phải trả người bán, phải trả khác	137.761.195.125	213.900.000	-	137.975.095.125
Chi phí phải trả	9.714.336.088	-	-	9.714.336.088
	<b>621.650.853.435</b>	<b>133.202.956.475</b>	<b>-</b>	<b>754.853.809.910</b>
<b>Tại ngày 01/01/2014</b>				
Vay và nợ	452.390.950.422	95.231.900.578	-	547.622.851.000
Phải trả người bán, phải trả khác	84.812.545.622	179.900.000	-	84.992.445.622
Chi phí phải trả	6.504.648.584	-	-	6.504.648.584
	<b>543.708.144.628</b>	<b>95.411.800.578</b>	<b>-</b>	<b>639.119.945.206</b>

Tập đoàn HAPACO cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn HAPACO có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

TRÁ  
HẢI  
HOÀI

1/01  
1/01



**37. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo lĩnh vực địa lý

	Hải Phòng	Yên Bái	Hòa Bình	Hà Giang	Loại trừ	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	146.956.092.961	16.690.432.180	-	-	-	163.646.525.141
Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	15.276.423.050	36.697.243.355	39.335.812.500	18.322.627.500	(109.632.106.405)	-
<b>Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài</b>	<b>146.956.092.961</b>	<b>16.690.432.180</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>163.646.525.141</b>
Tổng chi phí mua TSCĐ	74.304.646.087	77.705.790	-	-	-	74.382.351.877
Tài sản bộ phận	1.113.910.254.986	40.814.018.265	30.854.750.746	20.942.444.716	(349.428.843.696)	857.092.625.017
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	-	468.388.090.623
<b>Tổng tài sản</b>	<b>1.113.910.254.986</b>	<b>40.814.018.265</b>	<b>30.854.750.746</b>	<b>20.942.444.716</b>	<b>(349.428.843.696)</b>	<b>1.325.480.715.640</b>
Nợ phải trả của các bộ phận	881.754.059.226	12.167.105.751	18.732.030.625	9.066.897.853	(143.590.979.986)	778.129.113.469
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>881.754.059.226</b>	<b>12.167.105.751</b>	<b>18.732.030.625</b>	<b>9.066.897.853</b>	<b>(143.590.979.986)</b>	<b>778.129.113.469</b>

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Sản phẩm giấy các loại	Dịch vụ	Tổng cộng toàn Doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	161.867.405.157	1.779.119.984	163.646.525.141
Tài sản bộ phận	-	-	1.325.475.769.859
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	75.160.656.434

### 38. THÔNG TIN KHÁC

Tập đoàn HAPACO chưa thực hiện quyết toán thuế từ năm 2003. Ngoài ra, số thuế Thu nhập doanh nghiệp phải nộp từ năm 1998 đến năm 2003 theo Biên bản kiểm tra quyết toán thuế chưa được điều chỉnh trên Báo cáo tài chính của Tập đoàn HAPACO. Cho đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, Cục thuế Thành phố Hải Phòng chưa có quyết định chính thức về số thuế Tập đoàn HAPACO được miễn giảm từ năm 1998 đến năm 2003. Vì vậy, Tập đoàn HAPACO chưa thực hiện bất cứ điều chỉnh nào liên quan đến nghĩa vụ thuế với Ngân sách Nhà nước.

Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO đã đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Đầu tư Đông dược Tiên Sa số tiền là 2 tỷ đồng (chiếm 20% vốn điều lệ). Theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, Tập đoàn HAPACO sẽ thực hiện chuyển nhượng toàn bộ vốn góp và vốn vay tại Công ty Cổ phần Đầu tư Đông dược Tiên Sa trong năm 2011. Tuy nhiên đến thời điểm 30/06/2014, Tập đoàn HAPACO chưa hoàn thành thủ tục chuyển nhượng vốn tại Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa do thị trường không thuận lợi nên chưa tìm được đối tác phù hợp. Tập đoàn HAPACO sẽ thực hiện chuyển nhượng phần vốn góp và vốn vay tại Công ty Cổ phần Đông dược Tiên Sa với giá chuyển nhượng không thấp hơn giá trị đã đầu tư của HAPACO.

Tại thời điểm 30/06/2014, Công ty Cổ phần Tập đoàn HAPACO chưa góp vốn vào Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green.

Các cam kết và nợ tiềm tàng liên quan đến các khoản đầu tư như sau:

<b>Công ty nhận vốn đầu tư</b>	<b>Cam kết góp vốn</b>	<b>Vốn thực góp đến 30/06/2014</b>
Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green	360.000.000.000	-
Công ty TNHH HAPACO Đông Bắc	13.400.000.000	7.238.119.565
Công ty Cổ phần HAPACO H.P.P	120.432.000.000	155.630.855.217
Công ty TNHH Phương Đông	30.000.000.000	10.984.455.931
Công ty TNHH HAPACO Việt Hưng	10.000.000.000	7.086.500.000
<b>Cộng</b>	<b>533.832.000.000</b>	<b>180.939.930.713</b>

Công ty TNHH Bệnh viện Quốc tế Green hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0201450471 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp ngày 18/04/2014. Công ty được thành lập với chức năng quản lý Bệnh viện Phụ sản Quốc tế Green. Tuy nhiên, tại ngày 30/06/2014 dự án chưa chính thức bàn giao đưa vào sử dụng nên Công ty chưa đi chính thức đi vào hoạt động.

### 39. NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.



**40. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong kỳ, Công ty đã giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Mối quan hệ	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
		VND	VND
<b>Lãi vay phải trả</b>			
Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch HĐQT	1.595.322.333	178.583.333

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	Mối quan hệ	30/06/2014	01/01/2014
		VND	VND
<b>Phải thu</b>			
Công ty Cổ phần Khu Công nghiệp Hải Phòng	Công ty liên kết	-	346.811.000
Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	Bên liên quan	115.925.599.897	83.772.599.897
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	Bên liên quan	52.015.583.513	51.948.079.513
<b>Phải trả</b>			
Công ty Cổ phần Đầu tư HAFINCO	Bên liên quan	3.492.544.774	3.492.544.774
Công ty Cổ phần Dệt may Hapaco	Bên liên quan	192.852.000	192.852.000
Ông Vũ Xuân Cường	Ủy viên HĐQT kiêm TGD	6.858.504.293	9.201.504.293
Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch HĐQT	34.150.000.000	4.500.000.000
<b>Vay ngắn hạn</b>			
Ông Vũ Dương Hiền	Chủ tịch HĐQT	42.950.000.000	27.900.000.000

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	6 tháng đầu năm 2014	6 tháng đầu năm 2013
	VND	VND
Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc và HĐQT	1.292.600.000	1.178.930.500

HẠN  
ĐẾN

1/1/2014

#### 41. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu kỳ này

	Mã số	Phân loại lại	
		VND	Đã trình bày trên báo cáo năm trước VND
<b>a/ Bảng Cân đối kế toán</b>			
Các khoản phải thu khác	135	142.395.568.949	140.953.620.981
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	258.709.644	(1.183.238.324)



Vũ Xuân Cường  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 10 tháng 08 năm 2014

Trần Thị Hằng  
Kế toán trưởng

Khoa Thị Thanh Huyền  
Người lập biểu